

*Ngọc Thanh,, ngày 29 tháng 8 năm 2023*

## **KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG**

**Năm học 2023 – 2024**

*(Ban hành kèm theo quyết định số 75/QĐ-HĐT ngày 30/8/2023 của Hội đồng trường TH Ngọc Thanh)*

### **I. Căn cứ xây dựng kế hoạch:**

Quyết định số 16/2006/TT-BGDĐT ngày 05/6/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;

Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học;

Văn bản hợp nhất 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học;

Thông tư số 15/2009/TT-BGDĐT ngày 16/7/2009 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học;

Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học;

Quyết định số 1660/QĐ – UBND ngày 08/8/2023 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Hưng Yên;

Công văn số 1290/SGDĐT-GDMN-GDTH ngày 26/7/2021 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học (Kèm theo các Phụ lục quy định tại Công văn 2345/BGDĐT-GDTH ngày 7/6/2021 về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học);

Công văn số 1612/SGDĐT-GDMN-GDTH ngày 06/9/2021 về việc thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 5 đáp ứng yêu cầu Chương trình GDPT 2018 (Ban hành kèm theo hướng dẫn tại Công văn số 3799/BGDĐT-GDTH ngày 01/9/2022 về việc thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 5 đáp ứng yêu cầu chương trình GDPT 2018);

Công văn số 1641/SGDĐT-GDTrH-GDTrH ngày 08/8/2022 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện nội dung Giáo dục địa phương và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp năm học 2022-2023;

Căn cứ Công văn 564/SGDĐT-GDTH ngày 09/4/2021 của Sở GDĐT về việc tập huấn sử dụng tài liệu “GD An toàn giao thông dành cho HSTH” và hướng dẫn tổ chức GD ATGT cấp tiểu học;

Công văn số 1513/SGDĐT-GDTrH-GDTrH ngày 08/8/2022 của Sở GD&ĐT của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông;

Công văn số 1785/SGDĐT-GDMN-GDTH của Sở GDĐT ngày 14/8/2023 V/v hướng dẫn tổ chức dạy học môn Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) cấp Tiểu học;

Công văn số 269/PGĐT ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Phòng GDĐT Kim Động về việc xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp Tiểu học từ năm học 2021-2022;

Công văn số 342/PGD&ĐT ngày 06/9/2022 của Phòng GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm năm học 2022-2023;

Công văn số 161/PGD&ĐT-TH ngày 20/4/2022 về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học;

Kế hoạch số 137/KH-PGDĐT ngày 04/4/2023 của PGDĐT Kim Động triển khai tổ chức hoạt động giáo dục STEM cấp Tiểu học năm 2023;

Công văn số số 318/PGD&ĐT-TH ngày 18/8/2023 của Phòng GD&ĐT V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2023-2024;

Căn cứ vào Kế hoạch, thời gian thực hiện chương trình giáo dục nhà trường năm học 2023 - 2024;

Căn cứ vào Kết quả lựa chọn sách giáo khoa của trường đối với lớp 1,2,3,4;

Căn cứ vào kết quả đạt được từ năm học 2022 - 2023 và tình hình thực tế của nhà trường, Trường Tiểu học Ngọc Thanh xây dựng Kế hoạch Giáo dục nhà trường năm học 2023 - 2024 như sau:

## **II. Bối cảnh giáo dục của địa phương và nhà trường**

### ***1. Bối cảnh bên ngoài***

#### **1.1. Thời cơ**

Đối với Giáo dục và đào tạo, xã tập trung chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số Đại hội Đảng bộ xã nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Nghị quyết HĐND xã nhiệm kỳ 2021 - 2026 về phát triển giáo dục mầm non và phổ thông đến năm 2025 và những năm tiếp theo; xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới.

Xã Ngọc Thanh là vùng quê có truyền thống hiếu học, là vùng đất có bề dày văn hóa. Xã Ngọc Thanh có 2 ngôi đình được nhà nước công nhận Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia là Đình Thanh Cù (1993), đình Duyên Yên (2004).

Trên địa bàn xã có 01 nhà thờ có tên gọi Nhà thờ Ngọc Đồng khánh thành năm 1941. Năm 2020 xã Ngọc Thanh được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

Trường Tiểu học Ngọc Thanh ở gần đường giao thông liên thôn, là khu trung tâm của xã rất thuận lợi cho con em trong xã tới trường học. Trường có diện tích đất là 6099 m<sup>2</sup>, khuôn viên đẹp, đủ sân chơi, bãi tập.

Thành tích nhà trường: Trong những năm qua được sự quan tâm Đảng uỷ, UBND xã đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường 3 dãy nhà cao tầng với 18 phòng học và các phòng chức năng đảm bảo cho việc dạy và học . Vì vậy, nhà trường đã không ngừng phát triển và đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Trường đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3 (Quyết định 1334/QĐ-SGDĐT ngày 07/7/2022 về việc công nhận Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3); Đạt chuẩn Quốc gia mức độ II (Quyết định 2014/QĐ-CTUBND ngày 31 tháng 8 năm 2022 về việc công nhận Trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia).

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của trường được sắp xếp hợp lý, cơ bản đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng để tiếp tục thực hiện tốt Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1,2,3,4 và chương trình giáo dục 2006 đối với lớp 5.

Trình độ dân trí trong xã những năm gần đây được nâng cao, đa số phụ huynh nhận thức đúng về công tác đổi mới mục tiêu giáo dục, chương trình giáo dục, đặc biệt không có học sinh bỏ học và bỏ học giữa chừng, phổ cập đúng độ tuổi đạt tỉ lệ cao. Hội cha mẹ học sinh hoạt động có hiệu quả, tâm huyết với trường, nhiệt tình, chăm lo, tạo điều kiện cho con em học tập, luôn đồng hành cùng nhà trường xây dựng nhà trường ngày càng vững mạnh.

Học sinh đều ngoan, chăm chỉ học tập, tích cực tham gia các phong trào của trường, lớp đề ra.

Nhà trường có đủ phòng học đảm bảo mỗi lớp 1 phòng. Các phòng học có đủ bàn ghế cho GV, HS, hệ thống điện, quạt cũng như các trang thiết bị khác.

## **1.2. Thách thức**

Điều kiện kinh tế của nhân dân chủ yếu là sống bằng nghề nông nghiệp (trồng lúa, trồng hoa, rau màu,...), một bộ phận làm nghề mộc, xây dựng, may mặc, mây tre đan. Trên địa bàn xã có một số doanh nghiệp nhỏ hoạt động. Mặt bằng kinh tế của nhân dân trong xã ổn định ở mức trung bình.

Xã hội yêu cầu ngày càng cao về chất lượng giáo dục toàn diện, đòi hỏi nhà trường phải có thay đổi vượt bậc về các điều kiện dạy và học cũng như phương pháp, cách thức tổ chức dạy học nhằm đáp ứng đổi mới.

Nguồn lực đầu tư cho giáo dục còn hạn chế và bất cập, Công nghệ thông tin và quốc tế hóa trong giáo dục ngày càng cao đòi hỏi giáo dục phải đổi mới, hội nhập sâu rộng.

Tình hình chính trị xã hội có nhiều diễn biến phức tạp, mặt trái của cơ chế thị trường, mặt trái của công nghệ hiện đại ảnh hưởng đến ngành giáo dục nói chung và các nhà trường nói riêng.

Một số phụ huynh đời sống còn khó khăn, chưa có phương pháp giáo dục con phù hợp; chưa thật sự quan tâm đúng mức đến việc phối hợp với nhà trường trong giáo dục học sinh.

Sân trường thiếu bóng cây xanh nên chưa đảm bảo cho học sinh vui chơi hoạt động dưới sân trường.

## 2. Bối cảnh bên trong

### 2.1. Điểm mạnh của nhà trường

Trường Tiểu học Ngọc Thanh đã đạt kiểm định chất lượng đạt cấp độ 3; Đạt chuẩn quốc gia mức độ II ( Năm 2022)

Nguồn lực Cơ sở vật chất nhà trường đáp ứng nhu cầu tối thiểu cho hoạt động dạy học (bàn ghế, máy tính, máy chiếu, sân chơi, nhà tập đảm bảo học chính khóa và ngoại khóa...) ngân sách cơ bản đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động trong nhà trường.

#### \* Về đội ngũ:

Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 27 người, nữ 26; Cụ thể:

Nội dung	Tổng số	Nữ	Biên chế	Hợp đồng	Đảng viên	Trình độ		
						ĐH	CĐ	TC
<b>Tổng số CB, GV, NV</b>	<b>27</b>	<b>26</b>	<b>27</b>		<b>22</b>	<b>22</b>	<b>4</b>	<b>1</b>
BGH	2	2	2		2	2		
Giáo viên VH	19	19	19		16	15	4	
GVMT	2	1	2		2	2		
GVÂN	1	1	1		1	1		
GVTA	1	1	1		1	1		
GV TD	1	1	1			1		
GV tin học								
TB – TV	1	1	1					1
KT-VT								
Y tế								

Tuổi nghề: cao nhất 30 năm thấp nhất 5 năm; Tuổi đời: cao nhất 55 thấp nhất 27.

Tỉ lệ GV/lớp là 24/18=1,33

## \* Về cơ sở vật chất:

Hiện trạng	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
Khuôn viên	01	6084	9,5 m <sup>2</sup> /HS
Khối phòng học	18	864	Kiên cố
Phòng học bộ môn	03	198	Kiên cố
Khối phòng phục vụ học tập			
- Thư viện	1	90	Kiên cố
- Phòng thiết bị giáo dục	1	24	Kiên cố
- Phòng truyền thống và HĐ Đội	1	24	Kiên cố
Khối phòng hành chính			
- Phòng Hiệu trưởng	1	24	Kiên cố
- Phòng Phó Hiệu trưởng	1	24	Kiên cố
- Văn phòng	1	72	Kiên cố
- Phòng Y tế	1	24	Kiên cố
- Phòng bảo vệ	1	12	Bán kiên cố
- Nhà vệ sinh dành cho giáo viên	2	36	Đảm bảo
- Nhà vệ sinh dành cho học sinh	2	120	Đảm bảo
- Sân chơi	1	2000	Đảm bảo
- Nhà tập thể dục	1	300	Đảm bảo
- Nhà để xe cho GV	1	60	Đảm bảo
- Nhà để xe cho HS	1	360	Đảm bảo

- 100% các phòng học, phòng bộ môn có đủ bàn ghế giáo viên, học sinh, bảng chống lóa máy chiếu, tủ sách và trang trí đầy đủ đúng quy định.

- Hệ thống điện sáng và quạt mát: Hiện tại các phòng đảm bảo đủ.

- Có đủ nước sạch dùng cho giáo viên và học sinh.

- Thư viện được công nhận đạt chuẩn năm 2015; Thư viện có đủ các loại SGK tài liệu tham khảo cần thiết phục vụ cho công tác giảng dạy. Diện tích thư viện rộng (90 m<sup>2</sup>)

## **2.2. Thuận lợi**

Đảng ủy - Ủy ban nhân dân xã; chính quyền, nhân dân địa phương quan tâm đầu tư chăm lo cho phong trào giáo dục. Ban đại diện cha mẹ học sinh nhiệt tình kết hợp cùng nhà trường trong việc giáo dục con em.

Đa số phụ huynh có nhận thức đúng về công tác đổi mới giáo dục, hỗ trợ tốt các hoạt động giáo dục.

Địa phương có truyền thống hiếu học, có nhiều người đỗ đạt cao được ghi danh.

Học sinh của nhà trường ngoan ngoãn, chăm học, phẩm chất năng lực khá tốt. Đa số học sinh là con em trong xã.

## **2.3. Khó khăn**

Địa phương xã còn có nhiều hộ nghèo, cận nghèo. Một số phụ huynh đi làm ăn xa, không trực tiếp ở nhà để quản lý con cái và chăm lo việc học hành dẫn đến một số học sinh thể lực yếu, học tập chưa đạt yêu cầu.

Một số giáo viên chưa thật chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ.

Còn thiếu giáo viên dạy Tin học và Tiếng Anh.

## **3. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường**

### ***3.1. Quy mô số lớp, số học sinh toàn trường năm học 2023 - 2024***

Trường có 636 học sinh/18 lớp học. Tỷ lệ huy động trẻ đúng độ tuổi vào lớp 1 đạt 100%.

Cụ thể:

Khối	Số lớp	Tổng số HS	Nữ	Tỉ lệ HS/lớp	HS dân tộc	HS hộ nghèo, cận nghèo	Học sinh trí tuệ kém phát triển	Ghi chú
1	4	123	57	30,75		1	1	
2	4	127	63	31,75		5	1	
3	3	124	59	41,3	1	5	1	
4	4	141	74	35,25		5	2	
5	3	121	60	40,3		3	2	
<b>Toàn trường</b>	<b>18</b>	<b>636</b>	<b>313</b>	<b>35,3</b>	<b>1</b>	<b>19</b>	<b>7</b>	

### 3.2. Định hướng thực hiện chương trình dạy học:

**Khối lớp 1,2,3,4:** Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 (Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT 2018));

**Khối lớp 5:** Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông theo Quyết định số 16/2006/TT-BGDĐT ngày 05/6/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

### 3.4. Định hướng tổ chức hoạt động trải nghiệm

- + Mỗi tuần thực hiện 01 tiết HĐTN (chào cờ) vào sáng thứ hai, và một tiết HĐTN (SHL) tổng cộng 70 tiết;
- + Dạy hoạt động giáo dục theo chủ đề theo SGK HĐTN (xếp theo thời khóa biểu) tổng cộng 35 tiết.
- + Tổ chức các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học theo chủ đề tháng.

### 3.5. Định hướng thực hiện nội dung giáo dục địa phương cho học sinh khối 1,2,3,4

Tổ chức dạy giáo dục địa phương tích hợp, lồng ghép trong một số môn học và hoạt động giáo dục.

Hình thức tổ chức dạy học: Dạy học trên lớp, dạy học trải nghiệm.

Nội dung: Dạy những vấn đề cơ bản về văn hóa, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường của địa phương.

Tài liệu dạy học: Sử dụng tài liệu của tỉnh Hưng Yên biên soạn.



### **III. Mục tiêu giáo dục năm học 2023 – 2024:**

#### **1. Mục tiêu chung:**

Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh toàn trường:

#### **“Đoàn kết – Yêu thương – Trung thực - Trách nhiệm - Sáng tạo”**

Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học chất lượng, hiệu quả theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Chương trình giáo dục phổ thông 2018) đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3,5 và Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 (Chương trình giáo dục phổ thông 2006/ Chương trình hiện hành) lớp 5.

Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý, đảm bảo chất lượng dạy các môn học theo chương trình giáo dục phổ thông; chú trọng chuẩn bị đội ngũ giáo viên dạy lớp 5 trong năm học 2025-2026; đảm bảo 100% giáo viên dạy học lớp 4 được bồi dưỡng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chuẩn bị tốt các điều kiện: CSVC, sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả... để triển khai thực hiện tốt các hoạt động dạy học. Khai thác, vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phù hợp thực tiễn nhằm phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

#### **2. Chỉ tiêu cụ thể**

- Xây dựng kế hoạch dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) quy định tại Thông tư 32/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về ban hành Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1;2;3;4 và Quyết định số:16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 5 tháng 5 năm 2006 về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông đối với lớp 5.

- Triển khai thực hiện CTGDPT 2018 đối với lớp 4 đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

- Đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá, thực hiện thường xuyên và hiệu quả các phương pháp, hình thức, kỹ thuật dạy học tích cực, tăng cường đổi mới PPDH, và kiểm tra đánh giá theo phẩm chất năng lực người học. Triển khai dạy học giáo dục STEM.

- **Cụ thể:**

- 100% học sinh lớp 1 đến lớp 5 học từ 7 đến 8 buổi/tuần; 100% học sinh khối lớp 1, 2 được học môn Tiếng Anh tự chọn.
- 100% HS khối 3,4 được học Tin học và Tiếng Anh.
- 98% trở lên học sinh lớp 1, 2, 3, 4, hoàn thành chương trình lớp học; 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học.
- Duy trì sĩ số học sinh 100%
- Tổng số học sinh được khen thưởng cấp trường đạt 45% trở lên.
- Giữ vững kết quả phổ cập giáo dục Tiểu học cấp độ 3.
- 100% HS tham gia các hoạt động trải nghiệm của nhà trường tổ chức.
- Tham gia các phong trào, các Hội giao lưu các cấp: Giao lưu Olympic các môn học Toán, Tiếng Anh..... Chỉ tiêu phân đầu: 25 học sinh đạt giải cấp huyện; 15 học sinh đạt giải cấp tỉnh; 5 học sinh đạt giải quốc gia.
- Tham gia các dự án: Cha - ching; Dự án Room To Rit mở rộng; Dự án trường học Xanh – Sạch – Khỏe.

### **2.1. Môn học và Hoạt động giáo dục: Đánh giá kết quả học tập cuối năm:**

**\* Môn Toán, Tiếng Việt:**

Khối	Tổng số HS	Số HS được đánh giá	Đánh giá về học tập các môn học											
			Tiếng Việt						Toán					
			HT tốt		HT		Chưa HT		HT tốt		HT		Chưa HT	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	123	123	59	48.0	60	48.8	4	3.3	59	48.0	60	48.8	4	3.3
2	127	127	73	57,5	54	42,5	0		79	62,2	48	37.8	0	
3	124	124	67	54,0	57	46,0	0		75	60,5	49	39,5	0	
4	141	141	65	46,1	76	53,9	0		78	55,3	63	44,7	0	
5	121	121	64	52.9	57	47,1	0		67	55,4	54	44,6	0	
Tổng	636	636	328	51.6	304	47.8	4	0.6	358	56.3	274	43.1	4	0.6

## \* Môn Khoa học, Lịch sử - Địa lý, Tiếng Anh :

Khối	Tổng số HS	Số HS được đánh giá	Đánh giá về học tập các môn học																	
			Khoa học						Lịch sử- Địa lý						Tiếng Anh					
			HT tốt		HT		Chưa HT		HT tốt		HT		Chưa HT		HT tốt		HT		Chưa HT	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
3	124	124													56	45,2	68	54,8	0	
4	141	141	79	56	62	44	0		74	52	67	48	0		68	48,2	73	51,8	0	
5	121	121	71	58,7	50	41,3	0		69	57	52	43	0		57	47,1	64	52,9		
<b>Tổng</b>	<b>396</b>	<b>369</b>	<b>150</b>	<b>57.3</b>	<b>112</b>	<b>42.7</b>			<b>143</b>	<b>54.6</b>	<b>119</b>	<b>45.4</b>			<b>181</b>	<b>46.9</b>	<b>205</b>	<b>53.1</b>		

## \* Môn Tin học, Công nghệ

Khối	Tổng số HS	Số HS được đánh giá	Đánh giá về học tập các môn học													
			Tin học							Công nghệ						
			HT tốt		HT		Chưa HT			HT tốt		HT		Chưa HT		
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
3	124	124	75	60,5	49	39,4	0		66	53,2	58	46,8	0			
4	141	141	71	50,4	70	49,6	0		69	48,9	72	51,1	0			
<b>Tổng</b>	<b>265</b>	<b>265</b>	<b>146</b>	<b>55.1</b>	<b>119</b>	<b>44.9</b>			<b>135</b>	<b>50.9</b>	<b>130</b>	<b>49.1</b>	<b>%</b>			

**\*Xếp loại học tập các môn học còn lại:**

Khối lớp Số	Xếp loại	Đạo đức		Tự nhiên xã hội		Âm nhạc		Mỹ thuật		Kỹ thuật		GD thể chất (Thể dục)		Ghi chú
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1 - 123	Hoàn thành tốt	90	73.2	74	60.2	59	48.0	59	48.0			59	48.0	
	Hoàn thành	33	26.8	49	39.8	64	52.0	64	52.0			64	52.0	
2 - 127	Hoàn thành tốt	89	70,1	89	70,1	54	42,5	59	46,5			54	42,5	
	Hoàn thành	38	29,9	38	29,9	73	57,5	68	53,5			73	57,5	
3 - 124	Hoàn thành tốt	84	67,7	83	66,9	53	42,7	53	42,7			53	42,7	
	Hoàn thành	40	32,3	41	33,1	71	57,3	71	57,3			71	57,3	
4 - 141	Hoàn thành tốt	96	68,1			66	46,8	65	46,1			77	54,6	
	Hoàn thành	45	31,9			75	53,1	76	53,9			64	45,4	
5 - 121	Hoàn thành tốt	88	72,7			54	44,6	58	47,9	78	64,5	66	54,5	
	Hoàn thành	33	27,3			67	55,4	63	52,1	43	35,5	55	45,5	
<b>Toàn trường 636</b>	Hoàn thành tốt	<b>447</b>	<b>70,2</b>	<b>246</b> <b>/374</b>	<b>65,8</b>	<b>286</b>	<b>45,0</b>	<b>294</b>	<b>46,2</b>	78	64,5	<b>309</b>	<b>48,6</b>	
	Hoàn thành	<b>189</b>	<b>29,8</b>	<b>128</b> <b>/374</b>	<b>34,2</b>	<b>350</b>	<b>55,0</b>	<b>342</b>	<b>53,8</b>	43	35,5	<b>327</b>	<b>51,4</b>	

**\*Đánh giá hoạt động giáo dục bắt buộc:****Hoạt động trải nghiệm khối 1+2 +3 +4**

Khối	Tổng số HS	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	123	87	70.7	36	29.3	0	
2	127	89	70,1	38	29.9	0	
3	124	87	70,2	37	29,8	0	
4	141	90	63,8	51	36,2	0	
Tổng	515	353	68.5%	162	31.5%		

## 2.2. Xếp loại mức độ hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực.

### KHỐI 1 +2 +3 +4: Xếp loại mức độ hình thành và phát triển phẩm chất:

#### 3.2.2. Phẩm chất

#### + Phẩm chất khối 1,2,3,4

Khối	Số HS	Yêu nước						Nhân ái						Chăm chỉ					
		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	123	97	78.9	26	21.1		0.0	95	77.2	28	22.8	0	0.0	89	72.4	34	27.6		
2	127	113	89.0	14	11.0		0.0	115	90.6	12	9.4	0	0.0	97	76.4	30	23.6	0	0.0
3	124	124	100.0		0.0		0.0	124	100	0	0.0	0	0.0	109	87.9	15	12.1	0	0.0
4	141	123	87.2	18	12.8		0.0	123	87.2	18	12.8	0	0.0	111	78.7	30	21.3	0	0.0
Tổng	515	457	88.7	58	11.3			457	88.7	58	11.3			406	78.8	109	21.2		

Khối	Số HS	Trung thực						Trách nhiệm					
		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	123	94	76.4	29	23.6	0	0	94	76.4	29	23.6	0	
2	127	110	86.6	17	13.4		0	102	80.3	25	19.7	0	
3	127	118	95.2	6	4.8	0	0	109	87.9	15	12.1	0	
4	141	118	83.7	23	16.3	0	0	111	78.7	30	21.3	0	
<b>Tổng</b>	<b>515</b>	<b>440</b>	<b>85.4</b>	<b>75</b>	<b>14.6</b>			<b>416</b>	<b>80.8</b>	<b>99</b>	<b>19.2</b>		

**+ Phẩm chất khối 5**

Khối	Số HS	Chăm học chăm làm						Tự tin, trách nhiệm						Trung thực kỷ luật						Đoàn kết, yêu thương					
		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
5	121	97		24	19.8	0	0.0	95	78.5	26	21.5	0	0.0	96	79.3	25	20.7	0	0.0	97	80.2	24	19.8	0	0.0

**2.3. Xếp loại mức độ hình thành và phát triển năng lực:**

**+ Lớp 1,2,3,4**

**Năng lực chung**

Khối	Số học sinh đánh giá	Tự chủ và tự học						Giao tiếp và Hợp tác						Giải quyết vấn đề và sáng tạo						Ghi chú
		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	123	88	71.5	31	25.2	4	3.3	88	71.5	31	25.2	4	3.3	88	71.5	31	25.2	4	3.3	0
2	127	85	66.9	42	33.1	0	0.0	85	66.9	42	33.1	0	0.0	85	66.9	42	33.1	0	0.0	0
3	124	90	72.6	34	27.4	0	0.0	93	75.0	31	25.0	0	0.0	89	71.8	35	28.2	0	0.0	0
4	141	97	68.8	44	31.2	0	0.0	104	73.8	37	26.2	0	0.0	87	61.7	54	38.3	0	0.0	0
<b>Tổng</b>	<b>515</b>	<b>360</b>	<b>69.9</b>	<b>151</b>	<b>29.3</b>	<b>4</b>	<b>0.8</b>	<b>370</b>	<b>71.8</b>	<b>141</b>	<b>27.4</b>	<b>4</b>	<b>0.8%</b>	<b>349</b>	<b>67.8</b>	<b>162</b>	<b>31.5</b>	<b>4</b>	<b>0.8</b>	

### Năng lực đặc thù

Khối	Số HS	Ngôn ngữ						Tính toán						Khoa học						Thẩm mỹ					
		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	123	88	71.5	35	28.5	0	0.0	85	69.1	38	30.9	0	0.0	91	74	32	26	0	0	91	74.0	32	26.0	0	0.0
2	127	81	63.8	46	36.2	0	0.0	81	63.8	46	36.2	0	0.0	85	66.9	42	33.1	0	0	82	64.6	45	35.4		
3	124	94	75.8	30	24.2	0	0.0	75	60.5	49	39.5	0	0.0	85	68.5	39	31.5	0	0	82	66.1	42	33.9		0.0
4	141	102	72.3	39	27.7	0	0.0	92	65.2	49	34.8	0	0.0	90	63.8	51	36.2	0	0	96	68.1	45	31.9		0.0
<b>Tổng</b>	<b>515</b>	<b>365</b>	<b>70.9</b>	<b>150</b>	<b>29.1</b>			<b>333</b>	<b>64.7</b>	<b>182</b>	<b>35.3</b>			<b>351</b>	<b>68.2</b>	<b>164</b>	<b>31.8</b>			<b>351</b>	<b>68.2</b>	<b>164</b>	<b>31.8</b>		

Khối	Số HS	Thể chất						Công nghệ						Tin học						Ghi chú
		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	123	92	74.8	31	25.2	0	0.0													
2	127	83	65.4	44	34.6	0	0.0													
3	124	79	63.7	45	36.3	0	0.0	89	71.8	35	28.2	0	0	89	71.8	35	28.2	0	0	
4	141	118	83.7	23	16.3	0	0.0	86	61.0	55	39.0	0	0	82	58.2	59	41.8	0	0	
<b>Tổng</b>	<b>515</b>	<b>372</b>	<b>72.2</b>	<b>143</b>	<b>27.8</b>			<b>175</b>	<b>66.0</b>	<b>90</b>	<b>34.0</b>			<b>171</b>	<b>64.5</b>	<b>94</b>	<b>35.5</b>			

+ Lớp 5

Khối	Số học sinh đánh giá	Tự phục vụ, tự quản						Hợp tác						Tự học, giải quyết vấn đề						Ghi chú
		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
5	121	97	80.2	24	19.8	0	0.0	91	75.2	30	24.8	0	0.0	91	75.2	30	24.8	0	0.0	

#### 2.4. Xếp loại kết quả giáo dục:

Khối	TS HS (gồm cả KT)		Xếp loại kết quả giáo dục							
	SL	Nữ	Khen HS Xuất sắc		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
			SL	%	SL	SL	SL	%		
1	123	57	51	41.5%	8	6.5%	60	48.8%	4	3.3%
2	127	63	49	38.6%	5	3.9%	73	57.5%	0	
3	124	59	42	33.9%	11	8.9%	71	57.3%		
4	141	74	57	40.4%	8	5.7%	76	53.9%		
<b>Tổng</b>	<b>515</b>	<b>253</b>	<b>199</b>	<b>38.6%</b>	<b>32</b>	<b>6.2%</b>	<b>280</b>	<b>54.4%</b>		



### 2.5. Hoàn thành chương trình lớp học, hoàn thành chương trình tiểu học:

a) HTCT lớp học:

	Toàn trường		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
HTCT lớp học	632	99,4	119	96,7	127	100	124	100	141	100	121	100
Chưa HTCT lớp học	4	0,6	4	3,3%			0		0		0	

b) Hoàn thành chương trình tiểu học:  $121/121 = 100\%$

### 3.6. Khen thưởng:

Khối	TS HS (gồm cả KT)		Khen thưởng cuối năm					
	SL	Nữ	Khen HS Xuất sắc		Khen HS tiêu biểu		Học sinh vượt trội	
			SL	%	SL	%	SL	%
1	123	57	51	41.5%	8	6.5%		
2	127	63	49	38.6%	5	3.9%		
3	124	59	42	33.9%	11	8.9%		
4	141	74	57	40.4%	8	5.7%		
5	121	60	54	44.6%		0.0%	18	14.9%
<b>Tổng</b>	<b>636</b>	<b>313</b>	<b>253</b>	<b>39.8%</b>	<b>32</b>	<b>5.0%</b>	<b>18</b>	<b>2.8%</b>

## IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học

### 1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục ( Phụ lục 1.1)

Căn cứ Quyết định 16/2006/QĐ - BGDĐT, ngày 05/5/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình giáo dục phổ thông khung chương trình giáo dục phổ thông năm 2006 đối với lớp 5.

Căn cứ Thông tư 32/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về ban hành Chương trình GDPT 2018 với lớp 1,2,3,4

Năm học 2023-2024 căn cứ khung phân phối chương trình giáo dục của Bộ giáo dục, các văn bản hướng dẫn đổi mới hoạt động chuyên môn và đề nghị của các tổ chuyên môn, trường tiểu học Ngọc Thanh ban hành kế hoạch dạy học lớp 1, 2,3,4 các môn học như sau: Tiếng Việt, Toán, Ngoại ngữ 1 (lớp 3,4), Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Lịch sử và Địa lí; Khoa học; Tin học và Công nghệ; Giáo dục thể chất; Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật); Hoạt động trải nghiệm; Tiếng Anh tự chọn với thời lượng 2 tiết/tuần (lớp 1,2). Khối lớp 5 thực hiện dạy học đủ tiết theo chương trình Giáo dục phổ thông cấp tiểu học (Quyết định 16/2006/QĐ - BGDĐT, ngày 05/5/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình giáo dục phổ thông).

Các hoạt động củng cố Tiếng Việt và Toán đối với lớp 1, 2,3 nhằm giúp học sinh tự hoàn thành nội dung học tập, củng cố kiến thức, rèn luyện các kỹ năng và phát triển các năng lực phẩm chất.

Tổ chức các Tiết đọc thư viện tại thư viện nhà trường.

Tổ chức giáo dục STEM: Bài học STEM + Ngày hội STEM, Thực hiện tích hợp liên môn;

Nội dung giáo dục địa phương tích hợp trong Chương trình Hoạt động trải nghiệm và các môn học.

Thực hiện lồng ghép các nội dung học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; lồng ghép giáo dục quốc phòng và an ninh; giáo dục an toàn giao thông. Kỹ năng sống, giáo dục bảo vệ môi trường ...trong các môn học và hoạt động giáo dục....

### **Phụ lục 1.1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục (Kèm theo)**

## **2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học**

### 2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học (*Phụ lục 1.2*)

Xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động trải nghiệm theo chủ điểm của từng tháng. Mỗi tháng tổ chức hoạt động trải nghiệm theo chủ điểm của tháng như : Đêm hội trăng rằm, Nhớ ơn thầy cô giáo, truyền thống Anh bộ đội Cụ Hồ, Tết Hàn thực.....

Tổ chức trải nghiệm ngoài nhà trường cho học sinh từ khối 1- khối 5 vào cuối học kì I trong năm.

Xây dựng kế hoạch tổ chức các tiết hoạt động sinh hoạt dưới cờ theo chủ đề từng tuần của tháng,

### **Phụ lục 1.2. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học (kèm theo)**

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường (*trong trường hợp có học sinh bán trú*) ( *Phụ lục 1.3*)

Tổ chức giáo dục kỹ năng sống đối với học sinh toàn trường với thời lượng 2 tiết/tuần khi có sự hướng dẫn của cấp có thẩm quyền và trên tinh thần tự nguyện của phụ huynh học sinh

Thực hiện quy trình dạy theo đúng các công văn hướng dẫn của Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT.

Ban giám hiệu xây dựng kế hoạch triển khai dạy kỹ năng sống đủ các nội dung dạy, hình thức tổ chức, phân công dạy.

BGH và tổ chuyên môn có kế hoạch kiểm tra việc thực hiện kế hoạch dạy học các chủ đề tự chọn của giáo viên thông qua giáo án hàng tuần. Chế độ kiểm tra được thực hiện như các môn học khác

Tổ chức các hoạt động đọc sách trong thư viện để rèn văn hóa đọc cho học sinh.

Tổ chức các hoạt động vui chơi tự do để rèn luyện thể lực cho học sinh: Tập võ, đá bóng, cầu lông, bóng rổ...

**Phụ lục 1.3. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học.**

**(Kèm theo)**

**3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đối với các điểm trường (Không)**

**4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2023 - 2024 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục.**

Căn cứ vào Quyết định số 1660/QĐ – UBND ngày 08/8/2023 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Hưng Yên, nhà trường ban hành khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2023 – 2024 như sau:

Ngày tựu trường: Lớp 1 tựu trường ngày 24/8/2023; Lớp 2,3,4,5 tựu trường ngày 29/8/2023

Ngày khai giảng: ngày 05/9/2023

Học kỳ I: Từ ngày 06/9/2023 kết thúc trước ngày 15/01/2024 (gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Học kỳ II: Từ ngày 16/01/2024 đến trước ngày 25/5/2024 (gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Xét hoàn thành chương trình tiểu học trước ngày 31/5/2024

Ngày bế giảng năm học: Ngày 28/5/2024.

Căn cứ vào các quy định khác có liên quan đến thời gian của các cấp có thẩm quyền (quy định về lịch sinh hoạt chuyên môn trong tuần, tháng; sinh hoạt cụm chuyên môn...).

Căn cứ vào điều kiện thực tế thời gian trong năm học (các ngày nghỉ lễ theo quy định trùng vào các ngày học, phải có kế hoạch học bù, các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng nếu có...)

Tại trường Tiểu học Ngọc Thanh thời gian thực hiện chương trình năm học 2023 – 2024 cụ thể như sau:

#### **4.1. Đối với khối lớp 1**

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. ( *Phụ lục 1.4* )

**Phụ lục 1.4. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học  
và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần (Kèm theo)**

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 1 ( *Phụ lục 2 kèm theo* )

#### **4.2. Đối với khối lớp 2,3,4,5 (Phụ lục 1.4, Phụ lục 2 kèm theo)**

### **V. Giải pháp thực hiện**

***1. Thực hiện rà soát, quy hoạch trường, lớp; tăng cường cơ sở vật chất đáp ứng thực hiện chương trình giáo dục phổ thông đối với cấp tiểu học***

Căn cứ kế hoạch số 1065/KH-SGDĐT ngày 26/6/2018 của Sở GDĐT và quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông giai đoạn 2017-2025. Nhà trường rà soát, dự báo quy mô phát triển giáo dục; quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có; Đảm bảo sĩ học sinh bình quân 35 em/ lớp.

Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để thực hiện chương trình, sách giáo khoa GDPT 2018, đặc biệt đối với lớp 1,2,3,4 năm học 2023-2024; rà soát nhu cầu và có kế hoạch bổ sung đủ thiết bị dạy học tối thiểu đối với lớp 4 theo lộ trình

thực hiện Chương trình GDPT 2018. Thực hiện rà soát, đề xuất các nội dung đầu tư tăng cường cơ sở vật chất trường học, các hạng mục, ưu tiên đầu tư, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học phòng học tin học để đưa vào kế hoạch giai đoạn 2021-2025.

## ***2. Phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục tiểu học đảm bảo đủ về số lượng, chuẩn hóa về trình độ đào tạo, đồng bộ về cơ cấu, nâng cao chất lượng theo chuẩn nghề nghiệp***

Thực hiện quản lý, đánh giá đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn hiệu trưởng bảo đảm thực chất, gắn với thi đua, khen thưởng để tạo động lực cho đội ngũ nhà giáo gắn bó với nghề; tiếp tục rà soát chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học theo Luật Giáo dục năm 2019.

Rà soát, tổng hợp và xây dựng kế hoạch theo lộ trình để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng giáo viên tiểu học đạt chuẩn trình độ theo quy định tại Thông tư số 24/2020/TT-BGDĐT ngày 25/8/2020 của Bộ GDĐT về việc Quy định việc sử dụng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo, Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.

Tổ chức cho đội ngũ cán bộ, giáo viên tham gia bồi dưỡng thường xuyên đáp ứng chuẩn nghề nghiệp và thực hiện Chương trình GDPT 2018. Tổ chức cho đội ngũ giáo viên đi bồi dưỡng Tin học và công nghệ.

Tổ chức thi giáo viên dạy giỏi theo Thông tư 22/2019/TT-BGDĐT ngày 20/12/2019 của Bộ GDĐT.

## ***3. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn:***

Thực hiện tốt quy chế chuyên môn, nề nếp sinh hoạt chuyên môn, đa dạng hóa nội dung, hình thức tổ chức sinh hoạt chuyên môn đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình GDPT 2018

Thực hiện tốt nề nếp sinh hoạt chuyên môn hàng tuần để đảm bảo đồng hành, hỗ trợ thường xuyên đối với các giáo viên thực hiện CTGDPT 2018, thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học ở tất cả các tổ khối chuyên môn.

Xây dựng các nội dung chuyên đề phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu phát triển chuyên môn của giáo viên.

Phân công giáo viên cốt cán, các giáo viên có năng lực triển khai CTGDPT 2018 hướng dẫn các giáo viên có năng lực hạn chế để giáo viên tự thực hiện giờ dạy theo yêu cầu CTGDPT 2018 nhằm tạo môi trường để GV, NG, CBQL luôn học hỏi lẫn nhau, trau dồi chuyên môn và nâng cao ý thức.

Xây dựng cộng đồng học tập trong nhà trường cùng thực hiện chương trình sách giáo khoa lớp 1,2,3,4 năm học 2023-2024, lấy kinh nghiệm để triển khai các lớp tiếp theo thông qua các hoạt động như: tổ chức sinh hoạt chuyên môn, tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục về đổi mới dạy học theo tiếp cận năng lực, về phương pháp và công cụ kiểm tra đánh giá năng lực người học...

Hàng năm, nhà trường tiến hành kiểm tra, đánh giá chất lượng đội ngũ GV thông qua hình thức dự giờ, thăm lớp, kiểm tra đột xuất... từ đó xác định được nhân sự nào cần được đào tạo, bồi dưỡng và bồi dưỡng ở lĩnh vực nào để phát huy tối đa tiềm năng của cá nhân và đóng góp nhiều nhất cho sự phát triển của nhà trường.

#### **4. Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá học sinh tiểu học**

##### **4.1. Đổi mới phương pháp dạy học:**

- Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trên lớp học; thực hiện giáo dục STEM trong nhà trường

- Tiếp tục thực hiện các mô hình, phương pháp dạy học tích cực:

+ Mô hình trường học mới;

+ Dạy học Mĩ thuật theo phương pháp của Đan Mạch.

+ Thực hiện phương pháp “Bàn tay nặn bột” (PP-BTNB); xây dựng, hoàn thiện các tiết dạy, bài dạy, chủ đề áp dụng PP-BTNB; tổ chức các giờ học cho học sinh tự thiết kế, thực hành các thí nghiệm với các vật liệu đơn giản, dễ thực hiện, hướng tới việc thành lập các phòng hỗ trợ thí nghiệm tại trường, cụm trường.

Khuyến khích giáo viên vận dụng linh hoạt, sáng tạo các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực như dạy học theo dự án, bản đồ tư duy,... vào dạy học để nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục..

- Tích cực tổ chức sinh hoạt chuyên môn tại các tổ chuyên môn trong trường và cụm trường; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học theo hướng dẫn tại Công văn số 1380/SGDĐT-GDTH ngày 30/7/2020 về việc Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

4,2 . *Đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh tiểu học* : Đối với học sinh lớp 5 tiếp tục được đánh giá theo quy định tại Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT. Đối với học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 được đánh giá theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT.

- Đảm bảo đúng quy định, khách quan, thực chất, thường xuyên, phản ánh đúng năng lực, phẩm chất của học sinh.
- Thực hiện bàn giao chất lượng giáo dục cuối năm học một cách nghiêm túc, phù hợp với từng nhóm đối tượng, chấm dứt tình trạng học sinh “ngồi nhầm lớp”.
- Thực hiện khen thưởng học sinh đúng quy định, thực chất; tránh tùy tiện, máy móc, khen thưởng tràn lan không đánh giá đúng năng lực thực sự của học sinh.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý kết quả giáo dục và học tập của học sinh để giảm áp lực về hồ sơ, sổ sách, dành nhiều thời gian cho giáo viên quan tâm đến học sinh và đổi mới phương pháp dạy học.

#### **5. Đa dạng hoá các hình thức tổ chức dạy học để hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học**

Thực hiện đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học để nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy và học.

Thực hiện dạy học gắn kết giữa lý thuyết với thực hành; tăng cường các hoạt động trải nghiệm, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống của học sinh.

Tăng cường thực hiện tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khoá theo hướng tổ chức hoạt động trải nghiệm được hướng dẫn tại Công văn 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019;

Tích hợp vào các hoạt động giáo dục nội dung giáo dục đạo đức, lối sống văn hóa ứng xử, giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo vệ bản thân tránh bị xâm hại, bạo lực, kỹ năng phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước, kỹ năng đảm bảo an toàn trên môi trường mạng, tuyên truyền, giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo, kỹ năng quản lý tài chính; *đặc biệt quan tâm đến trải nghiệm tại địa phương.*

Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị tốt việc triển khai dạy học trực tuyến qua internet, trên truyền hình nếu học sinh dừng đến trường khi có dịch bệnh, lũ lụt diễn biến phức tạp (nếu có).

## **VI. Tổ chức thực hiện**

### **1. Hiệu trưởng:**

- Xây dựng kế hoạch chỉ đạo hoạt động giáo dục và điều hành chung mọi công việc.
- Xây dựng kế hoạch tổ chức dạy các môn tự chọn, ký hợp đồng liên kết với các công ty trong việc giảng dạy Tiếng Anh, kỹ năng sống.
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục.
- Tổ chức các hoạt động hội thi, hội giảng trong năm học.
- Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường;
- Ra các Quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn.
- Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và các hoạt động giáo dục

### **2. Phó Hiệu trưởng :**

- Quản lý chỉ đạo các HĐ chuyên môn, thư viện, thiết bị, quản lý các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục.
- Xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.
- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp; kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh nhận thức chậm và các hoạt động khác có liên quan đến giáo dục.
- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học.
- Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.
- Hàng tháng họp thống nhất các nội dung chuyên môn với các tổ.
- Duyệt tất cả các hoạt động tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các cuộc Hội thảo, chuyên đề cấp trường, cấp tổ tổ chức trong năm học.

### **3. Tổ trưởng chuyên môn:**

- Xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động chuyên môn của tổ.
- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo chuyên đề và theo nghiên cứu bài học; đổi mới phương pháp dạy học và lựa chọn nội dung dạy học; những vấn đề vướng mắc trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đối với lớp 1, lớp 2,3,4,



- Dự giờ, góp ý, rút kinh nghiệm tiết dạy cho giáo viên; bồi dưỡng giáo viên trong tổ.
- Tổng hợp báo cáo chất lượng giáo dục của tổ.
- Tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động giáo dục khác.

#### **4. Tổng phụ trách đội:**

- Kết hợp với phó hiệu trưởng và các bộ phận xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, HĐTN.
- Tổ chức tất cả các hoạt động ngoài giờ lên lớp, HĐTN tại nhà trường cùng các bộ phận.
- Thành lập các ban của liên đội để thúc đẩy mọi hoạt động của nhà trường.
- Xây dựng tiêu chí thi đua của Liên đội.

#### **5. Giáo viên chủ nhiệm:**

- Chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch bài dạy, giảng dạy theo chương trình, theo sự phân công của Hiệu trưởng.
- Thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn.
- Chịu trách nhiệm chất lượng của lớp, môn giảng dạy.
- Kết hợp với nhà trường, liên đội tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp trong và ngoài nhà trường.
- Tích cực tự trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ.
- Tham gia đầy đủ các buổi chuyên đề do các cấp tổ chức

#### **6. Giáo viên phụ trách môn học:**

- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng.
- Thực hiện nghiêm túc mọi quy chế chuyên môn.
- Chịu trách nhiệm chất lượng của lớp, môn giảng dạy.
- Kết hợp với nhà trường, liên đội tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp trong và ngoài nhà trường.
- Tích cực tự trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ.
- Tham gia đầy đủ các buổi chuyên đề do các cấp tổ chức

#### **7. Nhân viên:**

- Quản lý mọi hoạt động của thư viện, thiết bị.

- Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị dạy học.
- Khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động đọc sách.
- Tham mưu với lãnh đạo trường về kế hoạch tổ chức Ngày hội đọc sách. Kết hợp với nhà trường, giáo viên tổ chức Ngày hội đọc sách.
- Tham mưu với lãnh đạo trường về mua sắm bổ sung sách báo, trang thiết bị dạy học theo đề xuất của giáo viên.

Trên đây là kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2023 – 2024 của trường Tiểu học Ngọc Thanh. Đề nghị các cá nhân và các bộ phận nghiêm túc thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc kịp thời báo cáo về BGH để có sự hướng dẫn, điều chỉnh./.

***Nơi nhận:***

- Phòng GD&ĐT Kim Động( để b/c);
- Các tổ chuyên môn ( để th/h);
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG**  
**CHỦ TỊCH – HIỆU TRƯỞNG**  
(Đã ký)

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
(Đã ký)

***Phạm Thị Ngọc Bích***

***Nguyễn Thị Thanh Hương***

